



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 42

Ngày 01 tháng 7 năm 2011

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

11-6-2011	Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 49/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định các thủ tục áp dụng tại Ban Quản lý Khu Nam trong lĩnh vực xây dựng và đất đai.	3
13-6-2011	Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại các trạm thu phí trên xa lộ Hà Nội và đường Kinh Dương Vương.	5
13-6-2011	Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại trạm thu phí cầu Bình Triệu 2.	8

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

- 09-6-2011 Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 6. 11

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

- 08-6-2011 Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND về ban hành quy trình thực hiện duy tu giao thông trên địa bàn huyện Cần Giờ. 22

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 09-6-2011 Quyết định số 2942/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch vận động nhân dân thành phố đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện không có động cơ thay cho phương tiện cơ giới cá nhân. 27
- 13-6-2011 Quyết định số 3014/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2011 - 2012 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 32
- 15-6-2011 Quyết định số 3054/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 60,21ha), phường An Phú, quận 2. 36
- 15-6-2011 Quyết định số 3060/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Long Thới - Nhơn Đức thuộc địa bàn hai xã Long Thới và Nhơn Đức, huyện Nhà Bè. 48

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2011

### QUYẾT ĐỊNH

Về bãi bỏ Quyết định số 49/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định các thủ tục áp dụng tại Ban Quản lý Khu Nam trong lĩnh vực xây dựng và đất đai

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu Nam tại Tờ trình số 33/TTr-BQLKN ngày 06 tháng 5 năm 2011,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay bãi bỏ Quyết định số 49/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ban Quản lý Khu Nam trong lĩnh vực xây dựng và đất đai.

Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng và đất đai tại Ban Quản lý Khu Nam được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2011

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ  
tại các trạm thu phí trên xa lộ Hà Nội và đường Kinh Dương Vương**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại các trạm thu trên xa lộ Hà Nội và đường Kinh Dương Vương;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4909/STC-ĐTSC ngày 24 tháng 5 năm 2011,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại các trạm thu phí

trên xa lộ Hà Nội và đường Kinh Dương Vương theo quy định tại Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

SỐ TT	PHƯƠNG TIỆN CHỊU PHÍ ĐƯỜNG BỘ	MỆNH GIÁ		
		Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo	4.000	120.000	300.000
2	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 02 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng.	10.000	300.000	800.000
3	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	15.000	450.000	1.200.000
4	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.	22.000	660.000	1.800.000
5	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 feet.	40.000	1.200.000	3.200.000
6	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 feet.	80.000	2.400.000	6.500.000

Các trường hợp miễn thu phí được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính.

**Điều 2.** Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối với các Sở Giao thông vận tải, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư để đàm phán với Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh, hoàn thiện phương án tài chính của Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông đường Điện Biên Phủ (Xa lộ Hà Nội) và đường Hùng Vương nối dài (Kinh Dương Vương) số 01/2002/HĐCN ngày 17 tháng 9 năm 2002, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Các nội dung không đề cập vẫn được giữ thực hiện theo Quyết định số 8037/QĐ-UB ngày 30 tháng 11 năm 2001, Quyết định số 1939/QĐ-UB ngày 08 tháng 5 năm 2002 và Quyết

định số 114/2002/QĐ-UB ngày 11 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2011

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại trạm thu phí cầu Bình Triệu 2**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2011/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại trạm thu phí cầu Bình Triệu 2;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4909/STC-ĐTSC ngày 24 tháng 5 năm 2011,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại trạm thu phí cầu



Bình Triệu 2 theo quy định tại Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

Số TT	PHƯƠNG TIỆN CHỊU PHÍ ĐƯỜNG BỘ	MỆNH GIÁ		
		Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo	4.000	120.000	300.000
2	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 02 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng.	10.000	300.000	800.000
3	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	15.000	450.000	1.200.000
4	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.	22.000	660.000	1.800.000
5	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 feet.	40.000	1.200.000	3.200.000
6	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 feet.	80.000	2.400.000	6.500.000

Các trường hợp miễn thu phí được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính.

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư để đàm phán với Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh, hoàn thiện phương án tài chính của dự án, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Các nội dung không đề cập vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 69/2006/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2006 và Quyết định số 155/2006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban,

ngành thành phố, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2011/QĐ-UBND

*Quận 6, ngày 09 tháng 6 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Phòng Kinh tế quận 6****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2008/TTLT-BCT-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận - huyện;

Xét đề nghị của Phòng Nội vụ quận 6 tại Tờ trình số 296/TTr-NV ngày 18 tháng 4 năm 2011 và Báo cáo thẩm định số 63/TP ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Phòng Tư pháp quận 6,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 6.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3754/2002/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân quận 6.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Kinh tế quận 6, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, các Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Thu Vân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động**

#### **của Phòng Kinh tế quận 6**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND  
ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 6)*

### **Chương I**

#### **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

##### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

###### **1. Vị trí:**

Phòng Kinh tế quận 6 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 6; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phòng Kinh tế quận 6 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

###### **2. Chức năng:**

Phòng Kinh tế quận 6 có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tiểu thủ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại; dịch vụ; quản lý năng lượng; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

### **Chương II**

#### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

##### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Phòng Kinh tế quận 6 có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận 6 dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về phát triển các ngành trên địa bàn quận 6 theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước và phân cấp quản lý trong lĩnh vực được giao trên địa bàn. Dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính về lĩnh vực được phân công sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao;

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận 6 quản lý nhà nước đối với hoạt động của các thành phần kinh tế trên địa bàn quận 6 trong phạm vi lĩnh vực các ngành kinh tế được phân công; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công;

d) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực được phân công cho cán bộ, công chức phường trên địa bàn quận 6;

đ) Giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận 6;

e) Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận 6 và Ủy ban nhân dân phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận 6 và các Sở - ngành liên quan;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra và đề xuất xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật thuộc các lĩnh vực được phân công trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động các lĩnh vực được phân công trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận 6;

h) Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đóng trên địa bàn trong việc triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng;

i) Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận 6;

k) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận 6, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép theo phân công của Ủy ban nhân dân quận 6; thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) thuốc lá, sản xuất và kinh doanh rượu thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, hướng dẫn và thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn;

c) Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn quận 6.

## 3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về khoa học - công nghệ và năng lượng:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và làm thường trực Hội đồng khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân quận 6;

b) Phát triển phong trào lao động sáng tạo, phổ biến, lựa chọn các tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để hỗ trợ áp dụng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn quận 6; tổ chức thực hiện các dịch vụ khoa

học và công nghệ trên địa bàn. Theo dõi, giám sát, phối hợp và hỗ trợ các đơn vị tổ chức thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống trên địa bàn;

c) Quản lý nhà nước đối với hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ, hạt nhân theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Xây dựng hệ thống thông tin, thống kê, lưu trữ về khoa học và công nghệ tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

đ) Triển khai thực hiện quy hoạch, chính sách, kế hoạch phát triển điện lực, phát triển việc ứng dụng năng lượng mới, năng lượng mặt trời, năng lượng gió và các dạng năng lượng khác trên địa bàn quản lý;

e) Triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch nghiên cứu, phát triển sản xuất và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trên địa bàn quản lý;

g) Tổ chức triển khai thực hiện quy định về quản lý hoạt động điện lực trên địa bàn; các quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và các công trình điện khác trên địa bàn quản lý;

h) Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện, tập huấn về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn điện cho cán bộ quản lý năng lượng, cán bộ và nhân viên của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và các tổ chức quản lý điện trên địa bàn; hướng dẫn và kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm an toàn điện trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hoạt động điện lực và sử dụng điện, các quy trình, quy định về an toàn điện áp dụng trong nội bộ cơ quan, doanh nghiệp;

i) Tổ chức triển khai thực hiện phương án giá điện trên địa bàn quản lý. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, thanh tra chuyên ngành điện lực theo quy định của pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng.

#### 4. Thực hiện một số nhiệm vụ khác:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận 6 xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn quận 6; Giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện quản lý nhà nước đối với chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn quận 6;



b) Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu và đề xuất Ủy ban nhân dân quận 6 về công tác nhân sự Ban quản lý các chợ trên địa bàn quận 6.

c) Thực hiện một số nhiệm vụ khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận 6 và theo quy định của pháp luật.

### **Chương III** **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

#### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Phòng Kinh tế quận 6 có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc các Sở liên quan về thực hiện các mặt công tác chuyên môn của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; việc miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Kinh tế quận 6 tổ chức thành các Tổ chuyên môn, gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ quản lý Đăng ký kinh doanh;
- Tổ Hậu kiểm Đăng ký kinh doanh;
- Tổ quản lý Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp, Thương mại, Dịch vụ.

- Tổ quản lý Khoa học - Công nghệ và Năng lượng;
- Tổ quản lý Kinh tế hợp tác xã, Kinh tế tập thể, Kinh tế tư nhân.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Trưởng phòng báo cáo thông qua Ủy ban nhân dân quận 6 về phương án có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc ghép nhiều lĩnh vực vào cùng một tổ trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

Về công tác cán bộ: Trưởng Phòng Kinh tế quận 6 phối hợp với Trưởng Phòng Nội vụ đề xuất việc bổ nhiệm, bố trí và miễn nhiệm các chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban quản lý chợ trong phạm vi quản lý quận 6 và theo quy định của công tác cán bộ hiện hành.

#### **Điều 4. Biên chế**

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể làm công tác quản lý ngành của Phòng Kinh tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận 6 trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận 6 hàng năm.

Cán bộ, công chức Phòng Kinh tế quận 6 có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, có bảng tên đặt tại nơi làm việc, có đeo thẻ công chức theo quy định. Cán bộ, công chức phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Phòng, đồng nghiệp và các tổ chức hoặc cá nhân đến liên hệ công tác.

### **Chương IV**

## **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách và trực tiếp giải quyết các công tác được Trưởng phòng phân công;

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội

dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết;

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ, chuyên viên giải quyết phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

### **Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các cơ sở của Phòng (các tổ chức và cá nhân có liên quan) phải nêu cụ thể trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

6. Phòng Kinh tế có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận 6 hoặc lãnh đạo các Sở - ngành thành phố có liên quan.

### **Điều 7. Chế độ thông tin báo cáo**

Theo định kỳ (hoặc đột xuất), các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc báo cáo tình hình hoạt động, thống kê số liệu liên quan đến lĩnh vực của cơ quan, đơn vị mình về Phòng Kinh tế để phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo hoặc tham mưu báo cáo theo quy định.

### **Điều 8. Mối quan hệ công tác**

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận 6:

- Phòng Kinh tế chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận 6 về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận 6 về những mặt công tác đã được phân công;

- Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận 6 về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

#### 2. Đối với các Sở - ngành liên quan:

Phòng Kinh tế chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở - ngành liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Phòng, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc các Sở liên quan.

#### 3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận 6:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận 6, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận 6. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Trưởng các Phòng chuyên môn khác, Trưởng Phòng Kinh tế chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 xem xét, quyết định.

#### 4. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn, kiểm tra cán bộ các phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý;

c) Tổ chức giao ban với Ủy ban nhân dân phường về lĩnh vực Phòng phụ trách.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 6:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 6 có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 9.** Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Kinh tế quận 6 có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định để thi hành.

**Điều 10.** Trưởng Phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế sau khi được Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận 6 xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ quận 6./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Thu Vân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2011/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 08 tháng 6 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành quy trình thực hiện duy tu giao thông  
trên địa bàn huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị và Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này là Quy trình tổ chức thực hiện duy tu giao thông trên địa bàn huyện Cần Giờ.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện quy trình, nếu có phát sinh thay đổi yêu cầu các đơn vị báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân huyện để xem xét điều chỉnh bổ sung làm cơ sở thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Giờ, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích huyện, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Cách Mạng**

## **QUY TRÌNH**

### **Tổ chức thực hiện duy tu giao thông trên địa bàn huyện Cần Giờ**

*(Kèm theo Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

<b>Trình tự thực hiện</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>	<b>Thời gian tối đa hoàn thành</b>	<b>Tóm tắt nội dung công việc thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>				
<b>I. Tổng hợp, đề xuất danh mục đầu tư</b>	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Tháng 08 hàng năm	<p>- Tổ Khảo sát khối lượng thực hiện (do UBND huyện quyết định thành lập), gồm đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Quản lý đô thị, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện và UBND các xã, thị trấn khảo sát khối lượng thực hiện trong năm sau và đăng ký danh mục thực hiện trình UBND huyện.</p> <p>- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp nhu cầu đăng ký danh mục đầu tư trong năm sau trình UBND huyện xem xét, quyết định giao chỉ tiêu vốn thực hiện trong năm sau.</p>	
<b>II. Trình tự thủ tục thực hiện</b>				
1. Khảo sát lập dự toán khối lượng thực hiện của một quý	Chủ đầu tư (Phòng Quản lý đô thị)	Từ ngày 10 đến 20 của tháng cuối quý trước	<p>- Dựa vào khối lượng kế hoạch được duyệt, Tổ Khảo sát khối lượng xác định khối lượng thực tế cần thực hiện của một quý.</p> <p>- Hồ sơ gồm 10 bộ.</p>	



<p>2. Trình thẩm định dự toán khối lượng thực hiện</p>	<p>Chủ đầu tư (Phòng Quản lý đô thị)</p>	<p>Tuần đầu tiên của quý</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư (Phòng Quản lý đô thị) nộp hồ sơ dự toán khối lượng thực hiện tại Phòng Tài chính - Kế hoạch (02 bộ) theo quy trình cải cách hành chính một cửa.</li> <li>- Hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị duyệt dự toán; hồ sơ dự toán; thuyết minh khối lượng thực hiện và các văn bản pháp lý có liên quan.</li> </ul>	
<p>3. Thẩm định và trình duyệt dự toán</p>	<p>Phòng Tài chính - Kế hoạch</p>	<p>05 ngày (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt dự toán và tham mưu chỉ định đơn vị thực hiện (lập tờ trình phê duyệt - tham mưu quyết định trình duyệt dự toán).</li> </ul>	
<p>4. Lập hồ sơ mời thầu, tổ chức họp xét giá giao thầu, phê duyệt kết quả xét thầu</p>	<p>Phòng Quản lý đô thị, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện (đơn vị thi công)</p>	<p>10 ngày (sau khi có quyết định phê duyệt kế hoạch dự toán khối lượng thực hiện của UBND huyện)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện nhận hồ sơ mời thầu từ Chủ đầu tư (Phòng Quản lý đô thị) và lập hồ sơ dự thầu (hồ sơ đề xuất) gửi Chủ đầu tư xem xét, đánh giá.</li> <li>- Chủ đầu tư (Phòng Quản lý đô thị) mời Tổ Giúp việc công tác xét thầu của huyện, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện để thương thảo giá giao thầu (bao gồm thư mời và hồ sơ quan tâm của đơn vị được chọn thầu và gửi trước 03 ngày).</li> <li>- Tổ Giúp việc công tác xét thầu của huyện (do UBND huyện quyết định thành lập), gồm đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Quản lý đô thị.</li> <li>- Căn cứ kết quả xét giá giao thầu, Tổ Giúp việc công tác xét thầu của huyện tham mưu trình chủ đầu tư ra quyết định phê duyệt giá giao thầu.</li> </ul>	
<p>5. Ký kết hợp đồng thi công với nhà thầu</p>	<p>Chủ đầu tư (Phòng Quản lý đô thị)</p>	<p>03 ngày (kể từ khi có quyết định phê duyệt giá giao thầu)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi có quyết định phê duyệt giá giao thầu, chủ đầu tư (Phòng Quản lý đô thị) tiến hành thực hiện ký kết hợp đồng thi công với nhà thầu (Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện) thực hiện khối lượng công việc trong gói thầu.</li> </ul>	

<b>B. GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH</b>				
1. Đơn vị giám sát	- Tổ Giám sát khối lượng thực hiện (do UBND huyện quyết định thành lập), gồm đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Quản lý đô thị, UBND các xã, thị trấn.	Trong thời gian thi công	Giám sát công tác duy tu cầu, đường, cống...	
2. Lập hồ sơ hoàn công, kiểm tra, tổ chức nghiệm thu công trình	- Tổ Nghiệm thu khối lượng thực hiện (do UBND huyện quyết định thành lập), gồm đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Quản lý đô thị, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện và UBND các xã, thị trấn.	Tuần đầu tiên của quý	Nghiệm thu công tác duy tu cầu, đường, cống, ...	
<b>C. GIAI ĐOẠN KẾT THÚC CÔNG TRÌNH</b>				
Kết thúc công trình	Chủ đầu tư (Phòng Quản lý đô thị)	Theo quy định hiện hành	Sau khi công trình nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư (Phòng Quản lý đô thị) lập hồ sơ và trình duyệt quyết toán hoàn thành công trình theo quy định.	

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Cách Mạng**

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2942/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2011

### QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch vận động nhân dân thành phố  
đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện  
không có động cơ thay cho phương tiện cơ giới cá nhân**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải (Công văn số 2277/SGTVT-VTĐB ngày 26 tháng 4 năm 2011) và của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố (Công văn số 232/CNCPT ngày 11 tháng 5 năm 2011),

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch vận động nhân dân thành phố đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện không có động cơ thay cho phương tiện cơ giới cá nhân.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, người đứng đầu các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các cơ quan thông tấn, báo

chí, truyền thanh, truyền hình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Vận động nhân dân thành phố đi lại bằng phương tiện  
giao thông công cộng hoặc phương tiện không có động cơ  
thay cho phương tiện cơ giới cá nhân**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2942/QĐ-UBND  
ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **I. Lý do và mục tiêu cuộc vận động**

Trong tình hình số lượng xe gắn máy sử dụng ngày càng gia tăng, góp phần gây ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường; việc vận động nhân dân thành phố đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện không có động cơ thay cho phương tiện cơ giới cá nhân là cần thiết và cấp bách hiện nay. Cuộc vận động này nhằm mục đích:

- Tạo dần thói quen đi lại bằng xe công cộng và từng bước thay đổi ý thức văn hóa giao thông, hạn chế sử dụng xe cá nhân, tăng cường sử dụng xe buýt hoặc đi bộ ở tuyến đường gần của nhân dân thành phố nói chung và đặc biệt là đối với cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

- Tăng số lượt người sử dụng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt hàng năm.

- Góp phần tiết kiệm chi phí cho xã hội.

- Góp phần kéo giảm ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông.

- Góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí.

### **II. Đối tượng áp dụng**

Để cuộc vận động thực hiện từng bước có hiệu quả, bước đầu tập trung vận động các đối tượng là cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, công chức, viên chức, công nhân và học sinh, sinh viên; sau đó mở rộng cho tất cả tầng lớp nhân dân đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

### **III. Thời gian vận động**

Thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 01 tháng 6 năm 2015 và chia làm hai giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Thực hiện thí điểm từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Giai đoạn này chủ yếu tập trung vận động đối tượng là đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh.

Giai đoạn 2: Triển khai mở rộng từ ngày 02 tháng 12 năm 2011 đến ngày 02 tháng 12 năm 2015; đối tượng là toàn thể nhân dân sinh sống trên địa bàn thành phố.

#### **IV. Nội dung thực hiện**

1. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện ngay công tác cải thiện chất lượng phục vụ của xe buýt và tạo thuận lợi cho khách bộ hành đi lại trên vỉa hè thông thoáng, nhất là ở các tuyến hẻm ra đến các trạm xe buýt mặt tiền đường.

2. Tuyên truyền kêu gọi nhân dân thành phố đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện không có động cơ, thay cho phương tiện cơ giới cá nhân, **ít nhất 01 ngày trong tuần.**

3. Phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện như sau:

**3.1.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị trong đơn vị tổ chức phát động phong trào kêu gọi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị tham gia đi xe buýt. Khi xây dựng tiêu chí thi đua, khen thưởng hàng năm cho tập thể, cá nhân ở từng đơn vị, có lồng ghép tiêu chí về việc tham gia đi lại bằng xe buýt. Phối hợp với Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng tổ chức bán vé tháng xe buýt cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị.

**3.2.** Ủy ban nhân dân các quận - huyện phối hợp với thanh tra giao thông thành phố tiến hành thanh kiểm tra thường xuyên việc lấn chiếm các vỉa hè đã có vạch sơn dành riêng cho khách bộ hành và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn giao nhiệm vụ các Tổ dân phố tuyên truyền vận động người dân đi xe buýt, đồng thời phát động phong trào làm sạch các tuyến hẻm, không buôn bán lấn chiếm vỉa hè, tuyến hẻm.

**3.3.** Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng, báo, đài thành phố tăng cường công tác tuyên truyền vận động sâu rộng, kêu gọi người dân hưởng ứng đi xe buýt. Riêng Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố

xây dựng các chương trình, tăng thời lượng phát sóng tuyên truyền vận động nhân dân đi xe buýt.

**3.4.** Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng thuộc Sở Giao thông vận tải phát động phong trào “Tiếp viên xe buýt nhã nhặn và lịch sự; tài xế xe buýt cẩn trọng khi lái xe và không bỏ trạm”. Nhanh chóng tổ chức rà soát và chỉnh trang lại các trạm đón xe buýt sạch sẽ, nề nếp và thân thiện, qua đó tạo môi trường thu hút ngày càng nhiều hành khách đi xe buýt.

**3.5.** Công an thành phố cần tăng cường điều tiết lưu thông trong thời gian thực hiện cuộc vận động, hạn chế tối đa để xảy ra các điểm ùn tắc kéo dài, nhất là ở các tuyến đường có xe buýt thường xuyên đi lại.

**3.6.** Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển thành phố và Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện quy hoạch chi tiết và xây dựng dự án hình thành phố đi bộ trên địa bàn thành phố (kể cả bố trí các điểm giữ xe trung chuyển), nhanh chóng triển khai đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2015, tạo môi trường cho khách bộ hành dần dần có thói quen đi bộ.

## **V. Chỉ tiêu phấn đấu sau khi kết thúc đợt vận động**

1. Phấn đấu tăng số lượt hành khách đi xe buýt từ 7% (năm 2010) lên 12% vào cuối thời gian vận động (năm 2015).

2. Tăng mức độ (%) hài lòng qua kết quả khảo sát chỉ số hài lòng hàng năm đối với người dân đi xe buýt, năm sau cao hơn năm trước.

## **VI. Tổ chức thực hiện**

1. Thành lập Ban chỉ đạo cấp thành phố đối với cuộc vận động nhân dân thành phố đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện không có động cơ thay cho phương tiện cơ giới cá nhân, do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Giao thông vận tải làm Phó trưởng Ban thường trực và các thành viên là lãnh đạo các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an thành phố, Viện Nghiên cứu Phát triển; Mời đại diện Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố, Thành đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các đơn vị được phân công, chịu trách nhiệm báo cáo sơ kết hàng năm cho Ban Chỉ đạo. Trên cơ sở sơ kết, thành phố sẽ điều chỉnh hoặc cải tiến kế hoạch hành động để nâng cao hiệu quả hoạt động xe buýt và gia tăng số người tham gia xe buýt./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3014/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2011*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2011 - 2012  
của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục  
thường xuyên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục và Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2094/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2011 - 2012 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1323/GDĐT-VP ngày 08 tháng 6 năm 2011,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thời gian năm học 2011 - 2012 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm theo dõi chỉ đạo các cấp học, ngành học thực hiện nghiêm túc Kế hoạch thời gian năm học 2011 - 2012; điều chỉnh kịp thời thời gian nghỉ học của học sinh khi thời tiết quá khắc nghiệt, thiên tai và bố trí cho học sinh học bù; bố trí thời gian nghỉ hè cho giáo viên.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

## KẾ HOẠCH THỜI GIAN NĂM HỌC 2011 - 2012

**của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Các ngành học, cấp học	Ngày tựu trường	Ngày khai giảng	Học kỳ I	Học Kỳ II	Ngày bế giảng năm học	Các kỳ thi và xét tốt nghiệp
<b>1. Mầm non</b>	29/8/2011	05/9/2011	Từ 05/9/2011 đến 30/12/2011	Từ 02/01/2012 đến 25/5/2012	31/5/2012	
<b>2. Tiểu học</b>	15/8/2011	05/9/2011	Từ 15/8/2011 đến 30/12/2011 18 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác	Từ 02/01/2012 đến 25/5/2012 17 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác	28 - 31/5/2012	Xét hoàn thành chương trình Tiểu học trước ngày 15/6/2012
<b>3. Trung học cơ sở</b>	15/8/2011	05/9/2011	Từ 15/8/2011 đến 31/12/2011 19 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác. Ôn tập và kiểm tra HKI từ 12/12/2011 đến 17/12/2011	Từ 02/01/2012 đến 25/5/2012 18 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác Ôn tập và kiểm tra HKII từ 23/4/2012 đến 28/4/2012	28 - 31/5/2012	- Xét tốt nghiệp THCS trước ngày 15/6/2012. - Tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2012 - 2013 trước 31/7/2012
<b>4. Trung học phổ thông</b>	15/8/2011	05/9/2011	Từ 15/8/2011 đến 31/12/2011 19 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác. Ôn tập và kiểm tra HKI từ 12/12/2011 đến 17/12/2011	Từ 02/01/2012 đến 25/5/2012 18 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác Ôn tập và kiểm tra HKII từ 23/4/2012 đến 28/4/2012	25/5/2012	- Thi học sinh giỏi lớp 12 cấp quốc gia ngày 11, 12/01/2012. - Thi tốt nghiệp THPT vào các ngày 02, 03, 04/6/2012

Các ngành học, cấp học	Ngày tựu trường	Ngày khai giảng	Học kỳ I	Học Kỳ II	Ngày bế giảng năm học	Các kỳ thi và xét tốt nghiệp
<b>5. Giáo dục thường xuyên (Bổ túc Trung học cơ sở)</b>	15/8/2011	05/9/2011	Từ 15/8/2011 đến 31/12/2011 16 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác. Ôn tập và kiểm tra HKI từ 12/12/2011 đến 24/12/2011	Từ 02/01/2012 đến 25/5/2012 16 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác. Ôn tập và kiểm tra HKII từ 16/4/2012 đến 28/4/2012	28 - 31/5/2012	- Xét tốt nghiệp THCS trước ngày 15/6/2012.
<b>6. Giáo dục thường xuyên (Bổ túc Trung học phổ thông)</b>	15/8/2011	05/9/2011	- Từ 15/8/2011 đến 31/12/2011 16 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác. Ôn tập và kiểm tra HKI từ 12/12/2011 đến 24/12/2011	Từ 02/01/2012 đến 25/5/2012 16 tuần thực học, còn lại dành cho hoạt động khác. Ôn tập và kiểm tra HKII từ 16/4/2012 đến 28/4/2012	28/5/2012	- Thi tốt nghiệp THPT vào các ngày 02, 03, 04/6/2012

**Ghi chú:**

- Ngày nghỉ lễ được quy định bởi Luật Lao động nếu trùng vào ngày nghỉ cuối tuần thì được nghỉ bù vào ngày làm việc kế tiếp. Hiệu trưởng các trường chủ động tổ chức bù các tiết dạy do nghỉ lễ theo quy định.
- Nghi tết Âm lịch bắt đầu từ ngày 16/01/2012 (23 tháng 12 Âm lịch) đến hết ngày 29/01/2012 (Mùng 7 tháng 01 Âm lịch).

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3054/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2011*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư và tái định cư  
Nam Rạch Chiếc (diện tích 60,21ha), phường An Phú, quận 2**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị quận 2;

Căn cứ Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, quận 2;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1504/TTr-SQHKT ngày 07 tháng 6 năm 2011 về phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 60,21ha), phường An Phú, quận 2,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 60,21ha), phường An Phú, quận 2 với các nội dung chính như sau:

**1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:**

- Vị trí: khu đất quy hoạch phía Nam phường An Phú, quận 2.

- Quy mô khu đất quy hoạch: **60,2123ha**, bao gồm: Khu tái định cư của dự án xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm khoảng 30ha do Ủy ban nhân dân quận 2 làm chủ đầu tư và Khu dân cư khoảng 30ha do Liên danh Keppel Land - Tiến Phước (nay là Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc) làm chủ đầu tư.

- Giới hạn khu đất quy hoạch:

+ Phía Đông: giáp dự án khu dân cư và du lịch - văn hóa - giải trí (30ha) do Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 làm chủ đầu tư.

+ Phía Tây: giáp nút giao thông An Phú.

+ Phía Bắc: giáp đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.

+ Phía Tây - Nam và Đông - Nam: giáp sông Giồng Ông Tố.

**2. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch:** Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc.

**3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch:** Công ty TNHH An Hòa Sơn.

**4. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân quận 2 và Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc.

**5. Danh mục hồ sơ lập nhiệm vụ quy hoạch đô thị:**

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch;

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/20.000;

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500;

- Bản đồ hiện trạng vị trí số 007410/ĐDBĐ-VPQ2 ngày 08 tháng 01 năm 2010 do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập.

**6. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết:**

- Theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) khu dân cư Nam Rạch Chiếc (90,26ha), phường An Phú, quận 2, gồm 03 dự án như sau:

+ Khoảng 30ha giao cho Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 để đầu tư xây dựng khu dân cư cao tầng và du lịch - văn hóa - giải trí. Đổi lại, Công ty đầu tư xây dựng khu tái định cư 30,224ha (4.200 căn hộ) tại phường Bình Khánh.

+ Khoảng 30ha giao cho Ủy ban nhân dân quận 2 để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khoảng 2.000 nền đất phục vụ tái định cư dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các dự án trọng điểm của thành phố trên địa bàn quận 2.

+ Khoảng 30ha giao cho Liên danh Keppel Land - Tiên Phước (nay là Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc) để xây dựng khu dân cư. Đổi lại, Công ty sẽ đầu tư xây dựng khoảng 1.886 căn hộ và khu công viên cây xanh tại khu 17,3ha phường Bình Khánh - phường An Phú. Đồng thời, Công ty sẽ bỏ vốn đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội trong khu quy hoạch 60ha (bàn giao cho quận 2 quản lý theo quy định) và xây dựng mẫu 200 căn nhà tại khu tái định cư 2.000 nền đất để định hướng xây dựng cho các hộ dân.

- Theo nội dung Công văn số 973/UBND-ĐTMT ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về chấp thuận báo cáo đề xuất của Sở Xây dựng tại Công văn số 69/SXD-TCT-BTT ngày 13 tháng 02 năm 2009, theo đó giao trực tiếp cho các chủ đầu tư dự án thành phần tại khu 90ha tự tổ chức lập các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, sau đó thông qua Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt (không yêu cầu các chủ đầu tư phải lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu 90ha, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án khu 90ha Nam Rạch Chiếc, trong đó có 2.000 nền kịp thời bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm trong năm 2010).

Do đó, cần nghiên cứu lập và trình duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc (60,21ha) phường An Phú, quận 2, để làm đầu bài, cơ sở triển khai đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500).

### **7. Mục tiêu của đồ án quy hoạch chi tiết:**

- Tổ chức xây dựng khu dân cư mới đảm bảo chất lượng và môi trường sống tốt, đạt tiêu chuẩn quy phạm. Về tính chất là khu dân cư mới đa chức năng, bao gồm: nhà ở cao tầng kinh doanh, nhà ở thấp tầng tái định cư, thương mại - dịch vụ, văn hóa, tôn giáo... với đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ và hiện đại.

- Sử dụng có hiệu quả quỹ đất đô thị phục vụ cộng đồng, nhấn mạnh và khai thác tối đa yếu tố cảnh quan giáp sông, rạch và các trục giao thông chính.

## **8. Các định hướng quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500):**

8.1. Về quy hoạch không gian kiến trúc - cảnh quan:

a) Nguyên tắc:

- Tuân thủ theo Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, quận 2 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2009.

- Đảm bảo theo Quy chuẩn quy hoạch xây dựng và Tiêu chuẩn thiết kế Việt Nam hiện hành về quy hoạch xây dựng khu dân cư mới đồng bộ và hoàn chỉnh.

- Đảm bảo hài hòa về không gian kiến trúc - cảnh quan và nối kết đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và các khu vực xung quanh.

b) Định hướng quy hoạch sử dụng đất:

- Khu vực quy hoạch được bố cục phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất theo quy mô tương đương 02 đơn vị ở.

- Khu dân cư 30,21ha của Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc với các chức năng quy hoạch cơ bản như sau: nhà ở cao tầng, thương mại - dịch vụ, trường học, y tế, tôn giáo, công viên cây xanh - thể dục thể thao, giao thông tĩnh và động...

- Khu tái định cư 30ha của Ủy ban nhân dân quận 2 với các chức năng quy hoạch cơ bản như sau: nhà ở thấp tầng, thương mại - dịch vụ, chợ, trường học, văn hóa, tôn giáo, công viên cây xanh - thể dục thể thao, giao thông tĩnh và động...

- Các chỉ tiêu về quy hoạch - kiến trúc được quy định đến từng lô đất dự án.

c) Định hướng tổ chức không gian:

- Bố trí các công trình chức năng công cộng có khả năng tập trung đông người (thương mại - dịch vụ, chợ, cơ sở y tế, trường học...) nằm ven đường cao tốc và đường trục chính khu 60,21ha.

- Bố trí các khu nhà ở cao tầng và công trình tôn giáo nằm ven sông Giồng Ông Tố và rạch Muong Kinh, đồng thời kết nối giao thông với đường trục chính và các tuyến đường khu vực.

- Bố trí các khu nhà ở thấp tầng tái định cư và khu công viên cây xanh khu ở

nằm bên trong khu 60,21ha, ven đường trục chính và ven sông Giồng Ông Tố, rạch Mương Kinh.

- Yêu cầu thiết kế các khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng thừa thoáng với tầm nhìn đẹp hướng ra đường cao tốc và sông rạch, đón gió từ sông rạch dẫn vào các khu nhà ở, chú trọng khai thác điểm mạnh về cảnh quan tự nhiên của khu đất (như: sông nước, cây xanh, không gian mở...) để kết hợp hài hòa với hình thức kiến trúc công trình.

## 8.2. Về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Xây dựng mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại và đồng bộ cho khu 60,21ha, đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống chung của khu vực đô thị xung quanh và tận dụng triệt để các điểm lợi thế về điều kiện hiện trạng tự nhiên của khu vực lập quy hoạch.

a) Quy hoạch giao thông: Yêu cầu thiết kế đồng bộ các tuyến đường đối nội và đối ngoại của khu 60,21ha trên cơ sở kết nối với khu 30ha Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 và đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây. Dự kiến xây dựng khung đường giao thông gồm:

- Đường trục (lộ giới 25÷30m) nối khu 1 (phía tây rạch Mương Kinh) với khu 2 (phía đông rạch Mương Kinh) bằng cầu số 1. Hai bên đầu cầu số 1 nghiên cứu bố trí các tuyến đường gom.

- Đường ven sông Giồng Ông Tố và rạch Mương Kinh (lộ giới 15÷20m) nối với đường gom của đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.

- Đường khu vực (lộ giới 16÷25m); đường phân khu vực (lộ giới 13÷20m); đường nội bộ nhóm nhà ở, đường vào nhà riêng lẻ (lộ giới 7÷15m).

- Nghiên cứu cầu số 2 kết nối đường ven sông rạch của khu 1 và 2, tính chất tạo cảnh quan và phục vụ giao thông bộ hành, phương tiện thô sơ.

- Nghiên cứu kết nối giao thông với đường cao tốc, với nút giao An Phú.

- Số làn xe trên các tuyến đường được tính toán căn cứ lưu lượng giao thông theo quy hoạch.

b) Quy hoạch chiều cao và thoát nước mưa: Cao độ nền san lấp tại các khu vực xây dựng công trình: tối thiểu 2,5m (theo VN2000) và phải đảm bảo tiêu thoát nước mặt cho toàn bộ khu vực lập quy hoạch.

c) Quy hoạch cấp nước, thoát nước bản, cấp điện, thông tin liên lạc:



- Nguồn cấp dự kiến từ các tuyến cấp chính của thành phố bố trí dọc theo đường cao tốc, đảm bảo chỉ tiêu theo quy định.

- Xây dựng tách riêng hệ thống cống thoát nước bản và nước mưa. Hệ thống cống thoát nước bản dẫn về khu xử lý nước thải riêng của các dự án.

d) Vệ sinh môi trường: chất thải rắn được tập kết tại các điểm tập trung rác của khu vực, sau đó được chuyển đến khu xử lý rác chung của thành phố.

### 8.3. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật và tiện ích công cộng:

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt : 1.500 KWh/người.năm
- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt : 200 - 250 lít/người/ngàyđêm
- Chỉ tiêu thoát nước bản : 200 - 250 lít/người/ngàyđêm
- Chỉ tiêu điện thoại : 10 máy/100 người
- Chỉ tiêu rác thải : 1 - 1,5 kg/người/ngày

- Đối với khu nhà ở liên kế thấp tầng, áp dụng TCXDVN 353:2005 “Nhà ở liên kế - Tiêu chuẩn thiết kế”, Quy chuẩn QHXD năm 2008, 2009 và các quy định khác liên quan hiện hành.

- Đối với khu dân cư cao tầng, áp dụng TCXDVN 323:2004 “Nhà ở cao tầng - Tiêu chuẩn thiết kế”, Quy chuẩn QHXD năm 2008, 2009, Thông tư số 14/2008/BXD ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng và các quy định khác liên quan hiện hành. Trong đó, lưu ý đảm bảo các chỉ tiêu tiện ích công cộng như sau:

+ Bố trí 1,5 chỗ đỗ ô tô cho 1 căn hộ cao cấp; 1 chỗ đỗ ô tô cho 100m<sup>2</sup> sàn sử dụng chức năng văn phòng (hoặc thương mại) hoặc cho 4 phòng khách sạn từ 3 sao trở lên. Đối với các công trình khác (căn hộ dạng trung bình, khách sạn dưới 3 sao, trụ sở cơ quan, công trình dịch vụ...), số chỗ đỗ xe phải  $\geq 50\%$  quy định trên.

+ Bố trí trạm y tế và phòng khám bệnh (1 trạm/1.000 dân).

+ Các khu ở cần bố trí chợ - siêu thị; khu sinh hoạt cộng đồng; sân chơi công cộng; khu luyện tập thể dục thể thao; khu quản lý; công trình văn hóa; tôn giáo...

+ Bố trí trường học: tính trên 1.000 dân thì số lượng học sinh mẫu giáo: 50 chỗ; tiểu học: 65 chỗ; trung học cơ sở: 55 chỗ; trung học phổ thông: 40 chỗ. Theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố thì chỉ tiêu sử dụng đất giáo dục tại khu vực quận 2 là 8 - 10m<sup>2</sup>/chỗ học.

## 9. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

9.1. Cơ cấu sử dụng đất: theo Bảng cân bằng đất đai như sau:

STT	Nội dung	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
<b>KHU A - Khu tái định cư do Ủy ban nhân dân quận 2 làm Chủ đầu tư</b> Dân số khoảng 7.225 người (trung bình 5 người / 1 nhà ở riêng lẻ thấp tầng)		<b>30,00</b>	<b>100</b>	
<b>I</b>	<b>Đất đơn vị ở</b>	<b>28,92</b>	<b>96,4</b>	<b>40,03</b>
1	Đất nhóm nhà ở thấp tầng	18,27	60,9	25,29
2	Đất công trình công cộng:	6,05	20,2	8,38
	- Trường học (các cấp)	1,60	5,4	2,21
	- Thương mại - dịch vụ, văn hóa, y tế, hành chính	3,40	11,3	4,71
	- Chợ	1,05	3,5	1,45
3	Đất công viên cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước	1,67	5,6	2,31
4	Đất giao thông sân bãi	2,93	9,8	21,3km <sup>2</sup> 4,05m <sup>2</sup> /người
<b>II</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>	<b>1,08</b>	<b>3,6</b>	
1	Đất hành lang cây xanh cách ly	0,58	1,9	
2	Đất tôn giáo	0,50	1,7	
<b>KHU B - Khu dân cư do Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc làm Chủ đầu tư</b> Dân số khoảng 18.800 người (trung bình 4 người / 1 căn hộ cao tầng)		<b>30,21</b>	<b>100</b>	
<b>I</b>	<b>Đất đơn vị ở</b>	<b>23,85</b>	<b>78,9</b>	<b>12,68</b>
1	Đất nhóm nhà ở cao tầng	9,43	31,2	5,02
2	Đất công trình công cộng:	5,88	19,5	3,13
	- Trường học (các cấp)	3,04	10,1	1,62

	- Thương mại - dịch vụ	1,79	6,0	0,96
	- Y tế	1,05	3,4	0,55
3	Đất công viên cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước	2,15	7,1	1,14
4	Đất giao thông	6,38	21,1	12,56km/km <sup>2</sup> 3,39m <sup>2</sup> /người
<b>II</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>	<b>6,37</b>	<b>21,1</b>	
1	Đất tôn giáo	3,50	11,6	-
2	Đất hành lang cây xanh cách ly	2,87	9,5	-
<b>TỔNG CỘNG KHU A VÀ B</b>		<b>60,21</b>		

## 9.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc của các dự án:

S T T	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị	Theo phương án đề xuất
<b>KHU A - Khu tái định cư do Ủy ban nhân dân quận 2 làm Chủ đầu tư</b>			
1	Tổng số nền đất	nền	Khoảng 1.445
2	Kích thước nền trung bình	m <sup>2</sup>	5 x 16 = 80m <sup>2</sup> (có sân trước, sân sau)
3	Dân số	người	khoảng 7.225
4	Tầng cao (không kể tầng hầm, lửng, sân thượng)	tầng	- Nhà ở thấp tầng: 3 - 4 tầng - Thương mại - Dịch vụ: 15 - 20 tầng - Công trình điểm nhấn có thể cao hơn
5	Mật độ xây dựng (trên lô đất xây dựng)	%	- Nhà ở: tối đa 80%. - Công trình Thương mại - Dịch vụ: bộ tối đa 60%, tháp tối đa 40% - Công trình công cộng: tối đa 40%
6	Hệ số sử dụng đất	lần	- Tối đa 2,0 (trên diện tích đất dự án 30ha) - Tối đa 2,5 (trên diện tích đất xây dựng)

7	Tổng diện tích sàn xây dựng	m <sup>2</sup>	Tổng cộng khoảng 610.000m <sup>2</sup> , gồm: - Nhà ở: khoảng 480.000m <sup>2</sup> - Thương mại - Dịch vụ, Công trình công cộng: khoảng 130.000m <sup>2</sup>
---	-----------------------------	----------------	--

**Ghi chú:** Trường hợp Ủy ban nhân dân quận 2 điều chỉnh quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) để thay đổi mô hình nhà ở theo tình hình thực tế; cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch nêu trên có thể đáp ứng cho quy mô dân số khoảng 9.500 người.

S T T	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị	Theo phương án đề xuất
<b>KHU B - Khu dân cư do Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc làm Chủ đầu tư</b>			
1	Tổng số căn hộ	căn	khoảng 4.700
2	Kích thước căn hộ trung bình	m <sup>2</sup>	70 - 120
3	Dân số	người	khoảng 18.800
4	Tầng cao (không kể tầng hầm, lửng, sân thượng)	tầng	- Nhà cao tầng: tối đa 35 tầng
5	Mật độ xây dựng (trên lô đất xây dựng)	%	- Nhà cao tầng tối đa 40% - Công trình công cộng: tối đa 40%
6	Hệ số sử dụng đất	lần	- Tối đa 3,3 (trên diện tích đất dự án 30,21ha) - Tối đa 6,49 (trên diện tích đất xây dựng)
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	m <sup>2</sup>	Tổng cộng khoảng 995.000m <sup>2</sup> , gồm: - Nhà ở: khoảng 755.000m <sup>2</sup> - Thương mại - Dịch vụ, Công trình công cộng, kỹ thuật: khoảng 240.000m <sup>2</sup>
8	Khoảng lùi xây dựng công trình và các chỉ tiêu khác	m	Theo quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng hiện hành

**Ghi chú:** Tùy phương án thiết kế cụ thể, số căn hộ trên có thể thay đổi (tính toán theo quy định TCXDVN 323:2004) miễn đảm bảo quy mô dân số khoảng 18.800 người.

**10. Hồ sơ sản phẩm đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500:**

<b>Số TT</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất thiết kế	1/2.000- 1/5.000
2	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng	1/500
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1/500
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500
5	Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan	1/500
6	Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật	1/500
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường: - Quy hoạch giao thông - Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật - Quy hoạch cấp nước - Quy hoạch cấp điện - Quy hoạch thoát nước bản và vệ sinh môi trường	1/500
8	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/500
9	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/500
10	Các bản vẽ thiết kế đô thị: - Bản vẽ mặt bằng, mặt đứng triển khai theo các tuyến phố chính, lô phố điển hình; - Bản vẽ phối cảnh minh họa các khu vực quan trọng, các cụm công trình tiêu biểu; - Bản vẽ hướng dẫn việc thiết kế các công trình, cụm công trình sử dụng không gian ngầm, các công trình nằm ở góc phố...	
11	Lập mô hình ở tỷ lệ 1/500 hoặc tỷ lệ thích hợp	

12	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết	
13	Thuyết minh tổng hợp, các văn bản pháp lý liên quan, tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết	

**Điều 2.** Quyết định này đính kèm các bản vẽ, thuyết minh lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 60,21ha), phường An Phú, quận 2 được nêu tại khoản 5, Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 2, Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc và đơn vị tư vấn thiết kế lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 60,21ha), phường An Phú, quận 2.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và trình cơ quan thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công viên cây xanh để triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ cho toàn khu 60,21ha, sau đó bàn giao cho nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng. Trong đó đặc biệt lưu ý đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề hạ tầng kỹ thuật như: chống ồn và bụi cho khu dân cư dọc đường cao tốc, đầu nối giao thông, san nền và thoát nước mưa, thoát nước bản và xử lý nước thải...

- Chủ đầu tư có trách nhiệm làm việc với Cục Tác chiến - Bộ Quốc phòng để được xem xét, chấp thuận độ cao an toàn tĩnh không theo quy định tại Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

- Việc tổ chức lập và trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phải lưu ý đảm bảo khoảng cách ly an toàn của hành lang bờ sông, kênh, rạch theo Quyết định số 150/2004/QĐ ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời đảm bảo sự kết nối đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực và các yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Trước khi trình duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, đề nghị Chủ đầu tư hoàn tất các điểm lưu ý nêu trên và các yêu cầu khác đã nêu tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố, tại các Công văn số 2312/SQHKT-QHKTT ngày 24 tháng 8 năm 2009 của Sở Quy hoạch -

Kiến trúc, Công văn số 3105/SGTVT-CTN ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Sở Giao thông vận tải và các văn pháp lý khác có liên quan.

- Giao Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc phối hợp Ủy ban nhân dân quận 2 tổ chức lập và trình duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và các yêu cầu nêu trên; đồng thời tiến hành thực hiện các thủ tục khác về đầu tư xây dựng dự án nhà ở theo quy định tại Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ.

- Giao Ủy ban nhân dân quận 2 chủ trì phối hợp các Sở, ngành liên quan thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định.

- Giao Sở Giao thông vận tải thẩm định thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công viên cây xanh toàn khu dân cư 60,21ha.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt bản đồ hiện trạng vị trí và hướng dẫn các chủ đầu tư lập thủ tục giao đất các dự án thành phần.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch

- Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc, Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Phú và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3060/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2011*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000  
Khu dân cư Long Thới - Nhơn Đức thuộc địa bàn hai xã  
Long Thới và Nhơn Đức, huyện Nhà Bè**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung huyện Nhà Bè;



Căn cứ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Long Thới - Nhơn Đức tại xã Long Thới, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1332/TTr-SQHKT ngày 19 tháng 5 năm 2011 về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Long Thới - Nhơn Đức thuộc địa bàn hai xã Long Thới và Nhơn Đức, huyện Nhà Bè,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Long Thới - Nhơn Đức thuộc địa bàn hai xã Long Thới và Nhơn Đức, huyện Nhà Bè với các nội dung chính như sau:

#### **1. Vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới khu vực quy hoạch:**

Quy mô khu đất: tổng diện tích khu đất quy hoạch là 71,83ha.

Khu vực quy hoạch thuộc địa bàn hai xã Long Thới và Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Các mặt khu đất được giáp giới như sau:

- Phía Bắc: giáp đường cao tốc vành đai 3 dự kiến (lộ giới 100m);
- Phía Nam: giáp đường Long Thới - Nhơn Đức (lộ giới 40m);
- Phía Đông: giáp dự án Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh;
- Phía Tây: giáp đường Long Thới và vành đai 3 dự kiến.

**2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch đô thị:** Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà (Intresco).

**3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch đô thị:** Công ty Tư vấn Thiết kế Xây dựng Sài Gòn 69.

#### **4. Danh mục các bản vẽ đồ án quy hoạch đô thị:**

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000;
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000;

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000;
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000;
- Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng tỷ lệ 1/2000;
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác, tỷ lệ 1/2000;
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000.

### 5. Tính chất của khu vực quy hoạch:

Khu dân cư Long Thới - Nhơn Đức thuộc huyện Nhà Bè là khu quy hoạch xây dựng mới hoàn toàn, với quy mô 71,83ha và chức năng chính là khu dân cư phục vụ tái định cư cho các dự án trọng điểm của Thành phố. Ngoài ra, khu quy hoạch còn có các khu thương mại dịch vụ, khu công viên cây xanh, khu công trình dịch vụ công cộng xã hội như: giáo dục, văn hóa, hành chính, y tế... đảm bảo khả năng phát triển và hoạt động độc lập.

### 6. Dự báo quy mô dân số, cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

6.1 Dự báo quy mô dân số: 10.000 người.

6.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Đất đơn vị ở</b>	<b>49,37</b>	<b>68,7</b>
1	Đất nhóm nhà ở	29,74	60,30
	- Đất nhóm ở xây dựng mới thấp tầng	21,09	70,9
	- Đất nhóm ở xây dựng mới cao tầng	8,64	29,1
2	Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	5,40	11,00
	- Đất giáo dục:	2,7	49,9
	+ Trường tiểu học	1,26	
	+ Trường mẫu giáo	1,44	
	- Đất y tế	0,75	13,9
	- Đất trung tâm văn hóa thể dục thể thao	0,84	15,6

	- Đất hành chính xã	0,71	13,2
	- Đất công trình dịch vụ công cộng	0,40	7,4
3	Đất cây xanh cấp đơn vị ở	4,9	9,9
	- Đất quảng trường nước	1,55	
	- Đất công viên cây xanh tập trung	3,35	
4	Đất giao thông cấp đơn vị ở	9,33	18,9
<b>B</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>	<b>22,47</b>	<b>31,3</b>
5	Đất công trình công cộng cấp khu vực	1,63	
6	Đất công viên cây xanh cấp khu vực	7,59	
	- Đất cây xanh ven kênh rạch	0,96	
	- Đất cây xanh cách ly giao thông	6,63	
7	Đất dự trữ phát triển	2,39	
8	Đất giao thông ngoài đơn vị ở	10,23	
	- Đất giao thông	9,63	
	- Đất bãi xe	0,60	
9	Đất hạ tầng kỹ thuật (Trạm xử lý nước thải)	0,53	
10	Mặt nước	0,10	
<b>Tổng cộng</b>		<b>71,83</b>	<b>100,00</b>

6.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

Loại chỉ tiêu		Đơn vị tính	Theo nhiệm vụ quy hoạch chung đã phê duyệt	Theo đề án đề xuất
Dân số dự kiến		người	10.000	10.000
Mật độ xây dựng		%	25 - 35	30
Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	25	25
	Tối thiểu	tầng	2	2

<b>Đất đơn vị ở</b>	m <sup>2</sup> /ng	45 - 50	49,37
+ Đất nhóm nhà ở	m <sup>2</sup> /ng	28 - 35	30,0
+ Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở, trong đó: Đất giáo dục	m <sup>2</sup> /ng	5-7	5,4 2,7
+ Đất cây xanh sử dụng công cộng	m <sup>2</sup> /ng	9 - 12	12,5
+ Đất giao thông	m <sup>2</sup> /ng	18 - 20	19,0
<b>Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật</b>			
+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	200	200
+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	200	200
+ Tiêu chuẩn cấp nước	kwh/người/đêm	1.500 - 2.500	2.500 - 3.000
+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	1 - 1,5	1,3

## 7. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

### 7.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

a) Các khu vực xây dựng nhà ở, bao gồm: các khu nhà ở xây dựng mới thấp tầng và các khu nhà ở xây dựng mới cao tầng.

- Khu nhà ở thấp tầng xây phải xây dựng đồng bộ khi có dự án đầu tư; nhằm tạo cảnh quan cho khu vực, phải thống nhất về màu sắc, mặt đứng, hình thái kiến trúc, tường rào... trên từng dãy phố. Tuy nhiên, để tránh đơn điệu cần nghiên cứu có sự chuyển đổi nhẹ nhàng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

- Khu nhà ở xây dựng mới cao tầng, chú trọng đầu tư chung cư cao tầng dọc các tuyến đường lớn, có vị trí và địa hình đẹp, tạo bộ mặt cho khu đô thị.

- Việc tổ chức thiết kế kiến trúc và xây dựng các khu nhà ở phải đảm bảo theo đúng các quy định, quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

b) Các khu vực xây dựng các công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở phải đảm bảo các loại hình phục vụ thiết yếu, bao gồm: công trình giáo dục, công trình y tế, công trình trung tâm văn hóa thể dục thể thao, công trình thương mại dịch vụ; công

trình hành chính xã. Quy mô, bán kính phục vụ bố trí theo giải pháp phân tán trong các khu ở với bán kính phục vụ và vị trí phù hợp với chức năng, đồng thời kết hợp các mảng hoa viên, sân chơi thể dục thể thao tạo nên các khoảng không gian mở cho từng khu vực.

c) Các khu cây xanh công viên, vườn hoa đô thị: bố trí công viên tập trung lớn có hồ điều tiết phục vụ cho khu vực. Tận dụng khoảng cây xanh hành lang bảo vệ rạch để tạo cảnh quan và sự thông thoáng cho khu vực, đồng thời trong các khu nhà cao tầng cần bố trí những mảng xanh nhỏ (vườn hoa, tiểu cảnh) tạo thông thoáng, tạo trực cảnh quan cho khu vực.

Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị trong các đơn vị ở như sau:

Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị				
Loại đất	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m <sup>2</sup> /người)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
				Tối thiểu	Tối đa	
<b>1. Đất đơn vị ở</b>						
<b>1.1. Đất nhóm nhà ở</b>						
- Đất nhóm nhà ở thấp tầng	29,74	30				
- Đất nhóm nhà ở thấp tầng	21,09	49,36	50 - 75	2	4	3
- Đất nhóm nhà ở cao tầng	8,64	15,29	40	18	25	5
<b>1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị</b>						
- Đất giáo dục						
+ Trường mầm non 1	0,74		35	1	2	0,7
+ Trường mầm non 2	0,70		35	1	2	0,7
+ Trường tiểu học	1,26		35	3	4	1,4
- Đất hành chính (cấp xã, phường)	0,71		40	2	4	1,5

- Đất dịch vụ - thương mại, chợ	0,40		40	2	4	1,5
- Đất y tế (trạm y tế)	0,75		40	2	4	1,5
<b>1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở</b>	4,90	4,9				
<b>1.4. Đất giao thông, bãi đỗ xe cấp đơn vị ở</b>	9,32	9,3				
<b>2. Đất ngoài đơn vị ở</b>	22,47					
Đất công trình dịch vụ đô thị	1,63					
Đất cây xanh, mặt nước	7,69					
Đất giao thông, quảng trường bên bãi, cảng	10,23					
Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị	0,54					

## 7.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tạo một không gian tiện nghi hiện đại phù hợp với những khuynh hướng phát triển trong tương lai.

- Đảm bảo bán kính phục vụ của công trình công cộng như: Giáo dục, hành chính, văn hóa, thể dục thể thao có bán kính phục vụ không quá 500m.

- “Xanh” là tiêu chí trong tổ chức quy hoạch ở của phương án, ngoài những mảng xanh cần thiết trong nhóm ở, khu vực công trình công cộng phải tổ chức gắn kết với các quảng trường công viên, hoa viên cây xanh trong khu vực.

7.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình trên từng ô phố, được xác định trên bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đính kèm.

**8. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:** hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường khu vực ( $\geq 16m$ ), gồm:

### 8.1. Quy hoạch giao thông:

- Lộ giới đường liên xã Long Thới - Nhơn Đức, huyện Nhà Bè: 40m

- Lộ giới một số tuyến đường chính:

+ Đường D17: 40m

+ Đường D6 : 30m

+ Đường D4, D13, D16 : 20m

+ Đường D15, D19, D11: 16m.

#### **Lưu ý:**

Việc thể hiện quy hoạch các tuyến đường giao thông thuộc đơn vị ở (từ cấp đường phân khu vực đến đường nhóm nhà ở) trên các bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất nhằm kiểm soát chỉ tiêu sử dụng đất giao thông thuộc đất đơn vị ở.

- Phần chỉ giới xây dựng và mặt cắt ngang các tuyến đường sẽ được nghiên cứu xác định cụ thể khi có thiết kế đô thị hoặc khi khai triển dự án. Việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định; Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè và đơn vị tư vấn sẽ chịu trách nhiệm về tính chính xác về số liệu cập nhật này.

- Về định hướng phân kỳ thực hiện các tuyến đường giao thông: cần thực hiện theo đồ án quy hoạch này để đảm bảo mật độ giao thông tại khu vực; đồng thời có kế hoạch thực hiện cụ thể và công bố cho người dân được biết.

#### **8.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:**

##### **a) Quy hoạch chiều cao (san nền):**

- Áp dụng giải pháp đắp nền tạo mặt bằng xây dựng trên toàn bộ diện tích.

- Cao độ nền xây dựng lựa chọn:  $H_{xd} \geq 2,00m$  - Hệ cao độ VN 2000.

- Cao độ thiết kế đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt.

##### **b) Quy hoạch thoát nước mưa:**

- Tổ chức hệ thống thoát riêng nước bản và mưa, cống thoát nước đặt ngầm. Cống được bố trí dọc tất cả các trục đường giao thông trong khu vực, tập trung theo 3 lưu vực chính thoát về phía nguồn xả.

- Nguồn thoát nước: thoát nước về phía Đông - Bắc ra rạch Ông Lượng, thoát về phía Nam ra rạch Lấp Dầu, và phía Tây ra rạch Cống Sở.

- Về kích thước cống và các thông số kỹ thuật mạng lưới:

+ Thống nhất với quy mô lưu vực và kích thước đề xuất thiết kế cho các tuyến cống trong khu vực quy hoạch. Kích thước các tuyến cống chính biến đổi từ  $\Phi 800\text{mm}$  đến  $\Phi 1500\text{mm}$ .

+ Độ sâu chôn cống tối thiểu  $H_c \geq 0,70\text{m}$ ; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống  $i \geq 1/D$ .

**Lưu ý:**

- Để đảm bảo thoát nước cho khu quy hoạch thì hệ thống kênh rạch xung quanh khu vực, đặc biệt là rạch Công Sở (phía Tây) cần được các đơn vị quản lý địa phương và cơ quan quản lý chuyên ngành bảo vệ và cải tạo theo định hướng quy hoạch chung đã được phê duyệt.

- Với cống thoát nước đề xuất theo quy hoạch mới: vị trí tuyến và các thông số kỹ thuật dọc tuyến trong các giai đoạn thiết kế đầu tư xây dựng cụ thể phải hoàn chỉnh chi tiết, đảm bảo phù hợp với đặc điểm tự nhiên - hiện trạng và kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

8.3. Quy hoạch cấp điện: Chỉ tiêu cấp điện: 2500÷3000 KWh/người/năm.

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ trạm hiện hữu 110/15-22KV Nhà Bè.

- Xây dựng các trạm biến áp phân phối 15-22/0,4KV kiểu trạm phòng, công suất đơn vị mỗi máy  $\geq 400\text{KVA}$ .

- Phương án lưới phân phối phù hợp:

+ Xây dựng mới tuyến 22KV dẫn dọc theo trục đường giao thông, dùng cáp đồng 3 lõi cách điện XLPE, tiết diện trục chính  $S=240\text{mm}^2$ , đường nhánh  $S=150\text{mm}^2$ , chôn ngầm.

+ Mạng hạ thế cấp điện cho các công trình dùng cáp đồng 4 lõi bọc cách điện chôn ngầm, tiết diện phù hợp với các công trình.

+ Chiếu sáng giao thông sử dụng đèn cao áp Sodium 250W-220V gắn trên trụ thép mạ kẽm.

8.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố dựa vào tuyến ống cấp nước quy hoạch  $\Phi 300$  trên đường Long Thới.



- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày và tổng lưu lượng nước cấp toàn khu:  $Q_{\max} = 4.032 \text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$ .

- Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 15 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 2 đám cháy.

- Mạng lưới cấp nước: thiết kế mạng lưới theo mạng vòng, các tuyến ống chính đặt theo các đường phố lớn, ống nhánh nối vào ống chính phân phối nước tới từng khu chức năng, nơi tiêu thụ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: dựa trên các tuyến ống cấp nước chính của khu quy hoạch, bố trí các trụ lấy nước chữa cháy với bán kính phục vụ từ 100m - 150m. Ngoài ra, khi có sự cố cháy cần bổ sung thêm nguồn nước mặt của rạch Ông Lương.

#### 8.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

##### a) Thoát nước bản:

- Chỉ tiêu thoát nước bản sinh hoạt: 200 lít/người/ngày và tổng lưu lượng nước bản toàn khu:  $Q_{\max} = 3.120 \text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$ .

- Giải pháp thoát nước bản: xây dựng hệ thống cống thoát nước bản riêng, nước thải phân tiểu phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thu nước bản, để đưa về trạm xử lý cục bộ trong khu quy hoạch.

+ Giai đoạn đầu: Nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn TCVN 7222-2002 trước khi thoát ra môi trường tự nhiên.

+ Giai đoạn dài hạn: từ trạm xử lý cục bộ nước bản sẽ được thu gom đưa về trạm xử lý tập trung của khu vực, thành phố.

- Mạng lưới thoát nước bản: phải phù hợp với giải pháp thoát nước bản.

##### b) Rác thải và vệ sinh môi trường:

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1,3 kg/người/ngày và tổng lượng rác thải sinh hoạt là 13 tấn/ngày.

- Phương án xử lý rác thải: rác thải phải được thu gom mỗi ngày và vận chuyển đến các khu xử lý rác thành phố theo quy hoạch.

- Trong các khu công trình công cộng phải bố trí nhà vệ sinh công cộng.

8.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: việc bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) và phải đảm bảo đúng theo yêu cầu kỹ thuật, đúng quy định.

**Điều 2.** Quyết định này có đính kèm bản Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và các bản vẽ quy hoạch được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

- Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch đô thị này, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch đô thị theo quy định.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà (Intresco) và đơn vị tư vấn thiết kế lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Long Thới - Nhơn Đức thuộc địa bàn hai xã Long Thới và Nhơn Đức, huyện Nhà Bè

- Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè cần có kế hoạch tổ chức lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo quy định, để kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển đô thị trong phạm vi quy hoạch.

- Chủ đầu tư phải đảm bảo khoảng cách ly an toàn của hành lang bờ sông, kênh, rạch theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; đảm bảo việc san lấp rạch và nắn dòng theo văn bản số 527/SGTVT-CTN ngày 07 tháng 8 năm 2009 của Sở Giao thông vận tải; đồng thời đảm bảo sự kết nối đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực và các yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Về các nội dung quy định của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010, Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ và Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng liên quan về nội dung Quy hoạch thông tin liên lạc và Đánh giá môi trường chiến lược; Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè có trách nhiệm yêu cầu đơn vị tư vấn tiếp tục hoàn thiện trong thời hạn không quá 06 tháng, kể từ ngày duyệt đồ án này, để chuyển Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt bổ sung.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch

- Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận

tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà (Intresco), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Thới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 14.000 đồng**